



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvietnam.com.vn | Website: www.ifcvietnam.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Thành viên hãng AGN International / Member Firm of AGN International

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Gia Long	Ủy viên
Bà Chu Thị Minh Nguyệt	Ủy viên
Bà Trần Thị Hương	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Khắc Hùng	Giám đốc
--------------------	----------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Khắc Hùng
Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 92.03/2015/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn

Tài chính Quốc tế (IFC)

Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Trần Thiện Thanh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		11.779.390.848	13.992.869.718
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.999.150.607	1.614.238.894
1. Tiền	111		1.999.150.607	1.014.238.894
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	600.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	1.420.662.200	2.422.896.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.194.358.600	7.339.358.600
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(4.773.696.400)	(4.916.462.600)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.675.427.444	7.854.800.000
1. Phải thu khách hàng	131		630.284.160	-
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	7.177.180.000	9.086.280.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	6.990.037.184	6.398.593.900
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.122.073.900)	(7.630.073.900)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.684.150.597	2.100.934.824
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		36.261.675	50.522.700
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		727.296.446	697.495.319
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		39.411.765	39.411.765
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	1.881.180.711	1.313.505.040
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.153.463.995	59.951.221.436
I. Tài sản cố định	220		8.424.255.331	8.879.971.627
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.141.222.496	3.596.938.792
- Nguyên giá	222		4.513.380.542	4.553.244.594
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.372.158.046)	(956.305.802)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	5.283.032.835	5.283.032.835
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		46.100.000.000	49.100.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	46.100.000.000	49.100.000.000
III. Tài sản dài hạn khác	260		90.208.664	175.749.809
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	90.208.664	175.749.809
IV. Lợi thế thương mại	269	V.10	1.539.000.000	1.795.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		67.932.854.843	73.944.091.154

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.809.196.593	9.250.852.094
I. Nợ ngắn hạn	310		6.809.196.593	9.250.852.094
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	2.600.000.000
2. Phải trả người bán	312		963.601.080	579.909.599
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	5.015.600.000	5.131.200.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12	68.957.891	47.484.141
5. Phải trả người lao động	315		189.139.256	300.148.594
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	501.001.221	512.312.615
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		70.897.145	79.797.145
B. NGUỒN VỐN	400		60.936.025.662	64.523.008.539
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	60.936.025.662	64.523.008.539
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.266.980.000	57.266.980.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.951.500.000	8.951.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		376.008.914	376.008.914
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		488.656.419	488.656.419
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(6.147.119.671)	(2.560.136.794)
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		187.632.588	170.230.521
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		67.932.854.843	73.944.091.154



Trần Khắc Hùng
Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Đinh Thị Thùy Minh
Người lập

Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.185.946.634	5.123.809.524
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	6.185.946.634	5.123.809.524
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	5.824.091.943	4.979.653.679
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		361.854.691	144.155.845
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	88.451.301	2.194.388.266
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(142.766.200)	(43.167.517)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	27.256.945
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.162.653.002	4.505.351.442
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.569.580.810)	(2.123.639.814)
10. Thu nhập khác	31		-	286.909.091
11. Chi phí khác	32		-	251.628.000
13. Lợi nhuận khác	40		-	35.281.091
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(3.569.580.810)	(2.088.358.723)
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.569.580.810)	(2.088.358.723)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		17.402.067	(47.986.998)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		(3.586.982.877)	(2.040.371.725)
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	(626,36)	(356,29)



Trần Khắc Hùng
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Đinh Thị Thùy Minh
Người lập

Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

MẪU B03 - DN/HN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	5.890.800.000	5.726.000.000
1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(4.469.845.729)	(7.342.715.700)
2. Tiền chi trả cho người lao động	3	(935.687.496)	(1.110.831.124)
3. Tiền chi trả lãi vay	4	-	(28.651.283)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-	-
4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	11.310.995.469	245.147.744
5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(12.807.639.332)	(4.629.614.517)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.011.377.088)	(7.140.664.880)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	-	(76.000.000)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(8.540.000.000)	(2.428.425.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	9.685.000.000	3.452.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7.000.000.000)	(35.000.000.000)
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	88.451.301	2.309.527.792
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.233.451.301	(31.742.897.208)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.701.500.000	13.470.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.530.600.000)	(10.870.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.062.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.837.162.500)	2.600.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	384.911.713	(36.283.562.088)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.614.238.894	37.897.800.982
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.999.150.607	1.614.238.894



Trần Khắc Hùng
Giám đốc
Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Đinh Thị Thùy Minh
Người lập

Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư Vietnamnet) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0102210969 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 11 tháng 04 năm 2007. Mã số doanh nghiệp trên thay cho mã số doanh nghiệp số 0103016723 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11 tháng 04 năm 2007.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi 10 lần, lần sửa đổi cuối cùng là ngày 26 tháng 05 năm 2014.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi đến thời điểm lập báo cáo này, số vốn điều lệ của Công ty là 57.266.980.000 đồng (Năm mươi bảy tỷ, hai trăm sáu mươi sáu triệu, chín trăm tám mươi nghìn đồng).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 09 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 13 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Sản xuất đồ điện dân dụng;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng kinh doanh;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Gia Công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình. Đại lý môi giới, đấu giá;
- Dịch vụ viễn thông khác chưa được phân vào đâu;
- Quảng cáo;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng đi thuê;
- Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình;
- Hoạt động nghệ thuật, sáng tác và giải trí;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết:
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, ...);
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc cưới, hội họp, đám cưới...);
- Đại lý du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu.
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Hoạt động tư vấn quản lý;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);
- Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh;
- Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Sản xuất rượu vang;
- Xây dựng công trình công ích;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là hoạt động thương mại.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn hiện hành.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con, giữa các công ty con của Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 01 công ty con là Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường.

Chi tiết thông tin về Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường như sau:

Tên Công ty : Công ty Cổ phần Vietnamnet An Cường
Địa chỉ : Km 11, đường Nguyễn Văn Linh, Phường Thạch Bàn, Hà Nội
Hoạt động chính : Là công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn, thiết kế, xây lắp.
Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2014: 5.265.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 90%
Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 90%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán. Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản vay, chi phí phải trả và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng làm việc và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	1.094.323.960	195.606.796
Tiền gửi ngân hàng	904.826.647	818.632.098
Các khoản tương đương tiền	-	600.000.000
Cộng	1.999.150.607	1.614.238.894

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND	Số lượng Cổ phần	Giá trị VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	215.529	5.839.358.600	215.529	5.839.358.600
Ngân hàng TMCP Đại Chúng (*)	63.067	3.784.029.600	63.067	3.784.029.600
Công ty CP NTACO	14.112	376.320.000	14.112	376.320.000
Công ty CP Tài nguyên	110.850	1.356.268.000	110.850	1.356.268.000
Công ty CP Vận tải biển và BĐS Việt Hải	20.000	247.741.000	20.000	247.741.000
Công ty CP Sara Việt Nam	7.500	75.000.000	7.500	75.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác		355.000.000		1.500.000.000
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam		355.000.000		1.500.000.000
Cộng đầu tư ngắn hạn		6.194.358.600		7.339.358.600
Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn		(4.773.696.400)		(4.916.462.600)
Ngân hàng TMCP Đại Chúng (*)	63.067	(3.304.720.400)	63.067	(3.304.720.400)
Công ty CP NTACO	14.112	(319.872.000)	14.112	(321.283.200)
Công ty CP Tài nguyên	110.850	(879.613.000)	110.850	(1.023.718.000)
Công ty CP Vận tải biển và BĐS Việt Hải	20.000	(211.741.000)	20.000	(215.741.000)
Công ty CP Sara Việt Nam	7.500	(57.750.000)	7.500	(51.000.000)
Cộng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		1.420.662.200		2.422.896.000

(*) Đây là khoản đầu tư vào Cổ phiếu PVF của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam. Tại ngày 24 tháng 09 năm 2013, cổ phiếu của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam hủy niêm yết để sáp nhập với Ngân hàng TMCP Phương Tây thành Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK). Việc chuyển đổi khoản đầu tư vào Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam thành khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVCOMBANK) theo Công văn số 5738/TB-TCĐK ngày 18 tháng 09 năm 2013 của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Thông báo của PVCOMBANK. Theo đó cổ đông sở hữu cổ phiếu PVF sẽ sở hữu cổ phiếu PVCOMBANK theo tỷ lệ 1:1 (01 cổ phần PVF được đổi 01 cổ phần PVCOMBANK).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

3. Trả trước cho người bán

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Hoạt động kinh doanh bất động sản	7.144.000.000	7.830.000.000
Hoạt động khác	33.180.000	1.256.280.000
Cộng	7.177.180.000	9.086.280.000

4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ông Phan Thế Hải	2.736.000.000	2.736.000.000
Ông Phạm Văn Nhã	410.000.000	410.000.000
Ông Bùi Trọng Phú	500.000.000	500.000.000
Ông Trần Tố	1.200.000.000	1.200.000.000
Bà Nguyễn Việt Hà	524.144.900	524.144.900
Ông Lê Huy Phan	550.000.000	-
Các khoản phải thu khác	1.069.892.284	1.028.449.000
Cộng	6.990.037.184	6.398.593.900

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2013 VND
Tạm ứng	1.881.180.711	1.313.505.040
Cộng	1.881.180.711	1.313.505.040

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Dự án Hải Dương	1.800.000	1.800.000
Dự án Hà Nam	1.739.389.448	1.739.389.448
Dự án Đồng Ga Long Biên	3.471.843.387	3.471.843.387
Dự án Nagoya Giken	70.000.000	70.000.000
Cộng	5.283.032.835	5.283.032.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2014	241.542.727	72.727.273	4.160.437.818	78.536.776	4.553.244.594
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Giảm khác (*)	-	-	-	(39.864.052)	(39.864.052)
Tại 31/12/2014	241.542.727	72.727.273	4.160.437.818	38.672.724	4.513.380.542
KHẤU HAO					
Tại 01/01/2014	81.576.492	31.633.206	770.657.180	72.438.924	956.305.802
Khấu hao trong năm	14.208.394	14.091.118	427.416.784	-	455.716.296
Giảm khác (*)	-	-	-	(39.864.052)	(39.864.052)
Tại 31/12/2014	95.784.886	45.724.324	1.198.073.964	32.574.872	1.372.158.046
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	159.966.235	41.094.067	3.389.780.638	6.097.852	3.596.938.792
Tại 31/12/2014	145.757.841	27.002.949	2.962.363.854	6.097.852	3.141.222.496

(*) Tài sản giảm khác trong kỳ do không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định hữu hình theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

8. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Góp vốn đầu tư dự án Đèn Lừ	500.000.000	500.000.000
Góp vốn đầu tư dự án Mê Linh	1.000.000.000	1.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Tài nguyên vay vốn (*)	12.600.000.000	12.600.000.000
Đầu tư vào trường Đông Đô (**)	32.000.000.000	35.000.000.000
Cộng	46.100.000.000	49.100.000.000

(*) Hợp đồng vay tiền số 06/2011/HĐVT và số 07/2011/HĐVT ký giữa Công ty với Công ty Cổ phần Tài Nguyên về việc Công ty cho Công ty Cổ phần Tài Nguyên vay vốn với lãi suất 0,6%/năm. Theo đó, Công ty được quyền mua một khu đất nền với diện tích là 3.000 m² đã hoàn thiện hạ tầng và đủ điều kiện được chuyển nhượng theo quy định của pháp luật của Công ty Cổ phần Tài Nguyên đầu tư tại Dự án Kiều Kị - Gia Lâm - Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

8. Đầu tư dài hạn khác (tiếp theo)

(**) Theo thỏa thuận liên danh ngày 15 tháng 10 năm 2013, các thành viên liên danh gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Ông Trần Khắc Hùng cùng tham gia đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô. Tổng giá trị vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN góp 37 tỷ đồng (chiếm 74% trong tổng giá trị vốn góp), Công ty Cổ phần SARA Việt Nam góp 3 tỷ đồng (chiếm 6% trong tổng giá trị vốn góp) và Ông Trần Khắc Hùng góp 10 tỷ đồng (chiếm 20% trong tổng giá trị vốn góp). Theo thỏa thuận liên danh này, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh đàm phán và ký kết hợp đồng đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô, nhằm trở thành nhà đầu tư chiến lược và duy nhất của trường Đại học Dân lập Đông Đô.

Ngày 25 tháng 10 năm 2013, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN và Trường Đại học Dân lập Đông Đô đã thực hiện ký kết và thực hiện hợp đồng góp vốn đầu tư.

Theo Biên bản thỏa thuận ngày 28 tháng 4 năm 2014, các bên liên danh kể trên đã thống nhất đồng ý để Công ty Cổ phần Sara Việt Nam rút khỏi liên danh đầu tư góp vốn vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô.

Ngày 28 tháng 4 năm 2014, 5 tổ chức và cá nhân gồm Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại VNN, Ông Trần Khắc Hùng, Bà Nguyễn Thị Trang, Bà Phạm Đỗ Diệu Thư và Bà Trần Thị Yến đã ký Thỏa thuận liên danh để đầu tư vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô với tổng số tiền đầu tư là 50 tỷ và số tiền góp vốn lần lượt là 37 tỷ, 12 tỷ, 400 triệu, 200 triệu và 400 triệu. Các bên thống nhất để Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN được ủy quyền làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh tiếp tục đàm phán hoàn thiện thủ tục góp vốn với Trường Đại học Dân lập Đông Đô và hoàn tất quá trình chuyển đổi sang mô hình tư thực.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2014, tổng số vốn góp của liên danh vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô là 42 tỷ đồng. Theo Phụ lục hợp đồng góp vốn ngày 15 tháng 12 năm 2014 về việc điều chỉnh vốn góp đầu tư vào dự án Trường Đại học Dân lập Đông Đô, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN đồng ý góp 32 tỷ đồng vào Trường Đại học Dân lập Đông Đô và Trường Đại học Dân lập Đông Đô có nghĩa vụ chuyển trả Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN 10 tỷ đồng để Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại VNN chuyển trả nhà đầu tư cá nhân là ông Trần Khắc Hùng.

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	90.208.664	175.749.809
Cộng	90.208.664	175.749.809

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

10. Lợi thế thương mại

	<u>Số tiền</u> <u>VND</u>
GIÁ TRỊ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	
Tại ngày 01/01/2014	2.565.000.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.565.000.000</u>
GIÁ TRỊ PHÂN BỔ	
Tại ngày 01/01/2014	769.500.000
Phân bổ trong năm	256.500.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>1.026.000.000</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2014	<u>1.795.500.000</u>
Tại ngày 31/12/2014	<u><u>1.539.000.000</u></u>

11. Người mua trả tiền trước

	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
Công ty TNHH Thăng Long	5.000.000.000	5.000.000.000
Ông Trần Tố	-	100.000.000
Các đối tượng khác	15.600.000	31.200.000
Cộng	<u><u>5.015.600.000</u></u>	<u><u>5.131.200.000</u></u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>31/12/2014</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2014</u> <u>VND</u>
Thuế thu nhập cá nhân	68.957.891	47.484.141
Cộng	<u><u>68.957.891</u></u>	<u><u>47.484.141</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	10.207.864	13.875.053
Bảo hiểm xã hội	-	81.705
Các khoản phải trả khác	490.793.357	498.355.857
- Cổ tức phải trả	425.847.500	433.910.000
- Các khoản phải trả khác	64.945.857	64.445.857
Cộng	501.001.221	512.312.615

14. Vốn chủ sở hữu

a. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	5.726.698	5.726.698
Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	5.726.698	5.726.698
Cổ phần phổ thông	5.726.698	5.726.698
Số lượng cổ phần mua lại	-	-
Cổ phần phổ thông	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành	5.726.698	5.726.698
Cổ phần phổ thông	5.726.698	5.726.698

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI VNN
Số 15, ngõ 175/5/167, đường Định Công, phường Định Công,
Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

12. Vốn chủ sở hữu

b. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	57.266.980.000	8.951.500.000	336.000.000	488.656.419	(479.756.155)	66.563.380.264
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(2.040.371.725)	(2.040.371.725)
Phân phối quỹ	-	-	40.008.914		(40.008.914)	-
Số dư tại 01/01/2014	57.266.980.000	8.951.500.000	376.008.914	488.656.419	(2.560.136.794)	64.523.008.539
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(3.586.982.877)	(3.586.982.877)
Số dư tại 31/12/2014	57.266.980.000	8.951.500.000	376.008.914	488.656.419	(6.147.119.671)	60.936.025.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

15. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty và công ty con đều có trụ sở tại thành phố Hà Nội. Vì vậy, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 2 bộ phận hoạt động - bộ phận quản lý bán hàng hóa, bộ phận quản lý cung cấp dịch vụ. Công ty lập báo cáo bộ phận theo hai bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của hai bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý bán hàng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến bán hàng.
Bộ phận quản lý cung cấp dịch vụ: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến dịch vụ cho thuê nhà.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

	<u>Hoạt động bán hàng hóa</u>	<u>Hoạt động cung cấp dịch vụ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản			
Tài sản bộ phận	8.225.247.177	342.569.347	8.567.816.524
Tài sản không phân bổ	-	-	59.365.038.319
Tổng tài sản hợp nhất			67.932.854.843
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	643.518.227	658.725.857	1.302.244.084
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	5.506.952.509
Tổng nợ phải trả hợp nhất			6.809.196.593

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MÃ SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

15. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Bảng cân đối kết toán tại ngày 01 tháng 01 năm 2014

	<u>Hoạt động bán hàng hóa</u>	<u>Hoạt động cung cấp dịch vụ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	01/01/2014	01/01/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND
Tài sản			
Tài sản bộ phận	5.804.408.597	392.748.682	6.197.157.279
Tài sản không phân bổ	-	-	67.746.933.875
Tổng tài sản hợp nhất			<u><u>73.944.091.154</u></u>
Nợ phải trả			
Nợ phải trả bộ phận	349.362.334	673.825.857	1.023.188.191
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	8.227.663.903
Tổng nợ phải trả hợp nhất			<u><u>9.250.852.094</u></u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	<u>Hoạt động bán hàng hóa</u>	<u>Hoạt động cung cấp dịch vụ</u>	<u>Tổng cộng</u>
	Năm 2014	Năm 2014	Năm 2014
	VND	VND	VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.930.128.457	255.818.177	6.185.946.634
Tổng Doanh thu	5.930.128.457	255.818.177	6.185.946.634
Khấu hao và chi phí phân bổ	9.924.947.433	61.797.512	9.986.744.945
Kết quả kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	(3.994.818.976)	194.020.665	(3.800.798.311)
Chi phí không phân bổ			
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.994.818.976)	194.020.665	(3.800.798.311)
Doanh thu từ các khoản đầu tư			88.451.301
Lãi (lỗ) khác			-
Chi phí tài chính			(142.766.200)
Lỗ trước thuế			(3.569.580.810)
Chi phí thuế TNDN			-
Lỗ trong năm			<u><u>(3.569.580.810)</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

15. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng
	Năm 2013	Năm 2013	Năm 2013
	VND	VND	VND
Doanh thu			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.123.809.524	-	5.123.809.524
Tổng Doanh thu	5.123.809.524	-	5.123.809.524
Khấu hao và chi phí phân bổ	9.485.005.121	-	9.485.005.121
Kết quả kinh doanh			
Kết quả kinh doanh bộ phận	(4.361.195.597)	-	(4.361.195.597)
Chi phí không phân bổ			
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.361.195.597)	-	(4.361.195.597)
Doanh thu từ các khoản đầu tư			2.194.388.266
Lãi (lỗ) khác			35.281.091
Chi phí tài chính			(43.167.517)
Lợi nhuận trước thuế			(2.088.358.723)
Chi phí thuế TNDN			-
Lợi nhuận trong năm			<u>(2.088.358.723)</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	5.930.128.457	5.123.809.524
Doanh thu cung cấp dịch vụ	255.818.177	-
Cộng	<u>6.185.946.634</u>	<u>5.123.809.524</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	5.794.091.943	4.979.653.679
Giá vốn cung cấp dịch vụ	30.000.000	-
Cộng	<u>5.824.091.943</u>	<u>4.979.653.679</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	88.451.301	2.194.388.266
Cộng	88.451.301	2.194.388.266

4. Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	-	27.256.945
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	54.488.338
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(142.766.200)	(124.912.800)
Cộng	(142.766.200)	(43.167.517)

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(3.586.982.877)	(2.040.371.725)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.586.982.877)	(2.040.371.725)
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	5.726.698	5.726.698
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(626,36)	(356,29)
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu” tương ứng.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	1.999.150.607	1.614.238.894
Phải thu khách hàng và phải thu khác	934.527.444	7.800.000
Đầu tư ngắn hạn	1.420.662.200	2.422.896.000
Đầu tư dài hạn	46.100.000.000	49.100.000.000
Cộng	50.454.340.251	53.144.934.894
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	-	2.600.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	1.464.602.301	1.092.222.214
Cộng	1.464.602.301	3.692.222.214

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.464.602.301	-	1.464.602.301
Cộng	1.464.602.301	-	1.464.602.301
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán và phải trả khác	1.092.222.214	-	1.092.222.214
Cộng	3.692.222.214	-	3.692.222.214

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2014			
Tiền	1.999.150.607	-	1.999.150.607
Phải thu khách hàng và phải thu khác	934.527.444	-	934.527.444
Đầu tư ngắn hạn	1.420.662.200	-	1.420.662.200
Đầu tư dài hạn	-	46.100.000.000	46.100.000.000
Cộng	4.354.340.251	46.100.000.000	50.454.340.251
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2014			
Tiền	1.614.238.894	-	1.614.238.894
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.800.000	-	7.800.000
Đầu tư ngắn hạn	2.422.896.000	-	2.422.896.000
Đầu tư dài hạn	-	49.100.000.000	49.100.000.000
Cộng	4.044.934.894	49.100.000.000	53.144.934.894

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Thông tin về các bên liên quan

Số dư với bên liên quan như sau:

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Vay ngắn hạn		
Ông Trần Khắc Hùng	-	2.000.000.000
Cộng	-	2.000.000.000
Trả trước cho người bán		
Ông Trần Khắc Hùng	930.000.000	930.000.000
Cộng	<u>930.000.000</u>	<u>930.000.000</u>

Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	228.000.000	372.500.000
Cộng	<u>228.000.000</u>	<u>372.500.000</u>

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.



Trần Khắc Hùng
Giám đốc

Ngày 30 tháng 03 năm 2015

Đinh Thị Thùy Minh
Người lập

Đinh Thị Thùy Minh
Kế toán trưởng